

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 02**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **23**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **2**

Phòng thi: **B301** Số tờ giấy thi: **2**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **23**

Giờ thi: **14:45** Số bài thi: **2**

Phòng thi: **A501** Số tờ giấy thi: **2**

Mã nhận dạng: **002399**

Trang : 1/2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121270004	TRẦN NGUYỄN QUỲNH ANH	25/04/2003	CCQ2127A	475	Ah	4,5	Ah	3,7	4,3	6,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121120372	LỘC GIA TIỂU BÌNH	23/12/2002	CCQ2112K	361	B2	7,2	B2	5,5	6,3	7,2	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121120008	TRẦN THỊ TRÚC CHI	02/04/2003	CCQ2112A	208	Chu	5,1	Chu	7,3	6,2	5,7	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121170083	NGUYỄN THANH ĐẠT	27/06/2003	CCQ2117C	137	Đạt	4,6	Đạt	4,0	4,3	5,5	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121120187	NGUYỄN THỊ ĐIẾP	23/10/2003	CCQ2112F	475	Điep	4,6	Điep	3,1	3,9	6,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121120123	NGUYỄN THỊ THÚY ĐOAN	13/05/2003	CCQ2112D	361	Thuy	5,4	Thuy	7,1	6,3	6,5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121120280	NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ	08/09/2003	CCQ2112H	208	Ba	7,9	Ba	8,8	8,4	8,8	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121110386	TRẦN ĐỨC HẢI	04/07/2002	CCQ2112R									V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121270035	DƯƠNG PHƯỚC HẬU	14/08/2003	CCQ2127A	475	Hu	7,0	Hu	5,4	6,2	7,6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121120188	PHAN NGUYỄN NGỌC HIẾU	14/09/2003	CCQ2112F	361	Hieu	8,2	Hieu	6,1	7,2	6,0	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121120101	HỒ THỊ TUYẾT HỒNG	15/08/2003	CCQ2112C	208	Hoi	8,1	Hoi	8,7	8,4	8,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121120257	NGUYỄN THỊ NGUYỆT HUẾ	12/10/2003	CCQ2112H	137	Hu	4,9	Hu	4,0	4,5	6,3	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121120238	VÕ THỊ NGỌC HUYỀN	18/04/2003	CCQ2112G	475	Huy	6,7	Huy	5,1	5,9	8,0	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121120055	ĐÀM THỊ NHƯ HUỖNH	13/07/2003	CCQ2112B	361	Nhu	5,9	Nhu	8,1	7,0	6,8	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121120274	NGUYỄN THỊ MỸ HƯƠNG	18/04/2001	CCQ2112H	208	Hu	6,5	Hu	8,6	7,6	8,3	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121120004	LẠC THỊ DIỄM KHA	09/01/2003	CCQ2112A	137	Kha	5,1	Kha	8,0	6,6	5,7	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121050022	LÂM TUẤN KIẾT	14/08/2002	CCQ2105A	475	Kiet	4,6	Kiet	3,3	4,0	6,0	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121120256	VÕ VĂN TUẤN KIẾT	02/08/2002	CCQ2112H	475	Kiet	5,5	Kiet	5,3	5,4	6,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121120218	NGUYỄN HOÀI LINH	01/03/2003	CCQ2112G	361	Linh	3,7	Linh	3,2	3,5	6,5	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121120173	NGUYỄN TỔ LINH	29/05/2003	CCQ2112E	208	Linh	5,8	Linh	5,3	5,6	6,6	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002399

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 02**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **23**

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt:

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **23**

Giờ thi: **14:45** Số bài thi:

Phòng thi: **B301** Số tờ giấy thi: **23**

Phòng thi: **A501** Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Vấn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Vấn đáp
<i>Khuất</i>	<i>Nguyễn Thị Ngọc Bích</i>	<i>V.Đ.</i>	<i>Nguyễn</i>	<i>Nguyễn</i>	<i>Nguyễn</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121180058	PHAN NHẬT LINH	27/04/2003	CCQ2118B	137	Linh	5,0	Linh	43	4,7	5,5	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2121130055	LÊ THỊ NGỌC	01/04/2003	CCQ2113B	475	Nga	7,2	Nga	59	6,6	6,6	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2121200065	PHAN ĐÌNH	23/09/2003	CCQ2120B									(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2121100264	PHẠM THỊ	13/05/2003	CCQ2110H	208	Nga	4,6	Nga	24	3,5	5,5	4,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2121120242	TRẦN THỊ MỸ	02/02/2003	CCQ2112G	137	Nga	4,6	Nga	43	4,5	5,8	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 02**

Tổ: **002**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **24**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **24**

Giờ thi: **12:30**

Số bài thi: **24**

Giờ thi: **14:45**

Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **B302**

Số tờ giấy thi: **24**

Phòng thi: **A501**

Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: **002400**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121170359	NGUYỄN VĂN NHÂN	08/10/2003	CCQ2117K	381	Nhan 4,2	Nhan 3,2	3,7	4,9	4,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121120163	NGUYỄN THỊ YẾN	20/11/2002	CCQ2112E	208	Yen 6,9	Yen 6,6	7,3	6,9	6,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
3	2121120074	NGUYỄN THỊ KIỀU	07/11/2003	CCQ2112C	137	Kieu 5,0	Kieu 3,6	4,3	6,2	5,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121170362	PHAN MINH QUÂN	02/06/2003	CCQ2117K	475	Quan 4,0	Quan 5,5	4,8	4,9	4,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
5	2121120245	HỨA NGỌC TÚ	25/06/2003	CCQ2112G	561	Tu 4,8	Tu 3,7	4,3	6,1	5,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121120503	TRƯƠNG THỊ MỸ	11/07/2003	CCQ2112D	208	My 7,4	My 5,4	6,4	6,5	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121120127	TRẦN THỊ THU	25/07/2003	CCQ2112D	137	Thu 7,0	Thu 7,0	7,0	6,3	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121120276	NGUYỄN THỊ TÂM	14/08/2003	CCQ2112H	475	Tam 4,3	Tam 4,8	4,6	8,1	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121050014	LÊ MINH THUẬN	13/09/2003	CCQ2105A	361	Thu 3,5	Thu 5,5	4,5	6,7	5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121120270	NGUYỄN Ý THƯƠNG	14/10/2003	CCQ2112H	208	Thu 3,2	Thu 3,8	3,5	5,8	4,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121120141	NGUYỄN THỊ NHƯ	17/09/2002	CCQ2112E	137	Nhu 7,6	Nhu 6,3	7,0	6,7	6,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
12	2121270025	NGUYỄN NGỌC ANH	04/11/2003	CCQ2127A	475	Anh 4,7	Anh 4,0	4,4	6,3	5,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121180069	HOÀNG VĂN TIẾN	07/07/2003	CCQ2118B	361	Tien 8,1	Tien 8,2	8,3	6,3	7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121120144	TRẦN ĐỨC TÍN	13/02/2001	CCQ2112E	208	Tin 5,0	Tin 3,0	4,0	5,7	4,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121200056	ĐÀO THỊ THÙY	29/11/2003	CCQ2120B	137	Thuy 4,8	Thuy 3,9	4,4	5,9	5,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121120250	LÊ NGỌC BẢO	26/03/2003	CCQ2112H	475	Bao 5,1	Bao 4,9	5,0	6,6	5,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121050016	TRƯƠNG THANH TRIỀU	06/10/2001	CCQ2105A	361	Thanh 4,1	Thanh 5,4	4,8	6,6	5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121200041	ĐÌNH HỒNG TRINH	12/12/2003	CCQ2120B	208	Trinh 4,0	Trinh 3,8	3,9	6,2	4,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
19	2121270005	NÔNG DUYÊN	15/03/2003	CCQ2127A	137	Duyen 8,0	Duyen 8,2	8,2	6,2	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121120075	NGUYỄN CÔNG TRINH	30/07/2003	CCQ2112C							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 02**

Tổ: **002**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **24**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **24**

Phòng thi: **B302** Số tờ giấy thi: **24**

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt:

Giờ thi: **14:45** Số bài thi:

Phòng thi: **A501** Số tờ giấy thi:

Mã nhận dạng: **002400**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Vấn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Vấn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121270020	VÕ THỊ THANH TRÚC	14/03/2003	CCQ2127A	475			51	6,4	6,7	6,5	
22	2121200036	PHẠM THỊ CẨM Tú	14/08/2003	CCQ2120B	361			43	4,6	5,6	5,0	
23	2121120648	NGUYỄN THỊ Vĩ	27/12/1999	CCQ2112J	208			89	9,3	8,6	9,0	
24	2121120278	NGUYỄN THÀNH VINH	24/10/2003	CCQ2112H	137			58	6,5	7,4	6,9	
25	2121050024	HỒ THANH XUÂN	25/01/2003	CCQ2105A	475			48	5,2	6,0	5,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 03**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **13**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **13**

Phòng thi: **B303** Số tờ giấy thi: **13**

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **13**

Giờ thi: **14:45** Số bài thi: **13**

Phòng thi: **A502** Số tờ giấy thi: **13**

Mã nhận dạng: **002401**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Vấn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Vấn đáp
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121110303	ĐOÀN VIỆT ANH	27/07/2003	CCQ2111H								
2	2121120323	NGUYỄN THỊ LAN	02/03/2003	CCQ2112J	208	6.3	7.5	69	67	68		
3	2121120098	MAI THỊ QUỲNH	14/04/2003	CCQ2112C	137	5.4	3.8	46	55	50		
4	2121260103	TRẦN THỊ TUYẾT	20/12/2003	CCQ2126C	475	5.5	6.0	58	82	68		
5	2119030102	PHẠM CHÍ CÔNG	16/12/2001	CCQ1903D								
6	2120260177	TẠ CÔNG CƯỜNG	22/11/2000	CCQ2026F								
7	2121120484	HOÀNG ANH DŨNG	28/02/2003	CCQ2112N	361	4.2	4.8	45	57	50		
8	2120180041	TRẦN TÍN ĐẠT	12/04/2002	CCQ2018B	208	3.9	6.9	54	72	61		
9	2121200055	NGUYỄN CHÍ ĐIỀN	18/05/2003	CCQ2120B								
10	2121100163	TRẦN NGỌC HÂN	16/10/2002	CCQ2110E								
11	2121200102	LƯU GIA HUY	02/07/2001	CCQ2120C								
12	2121170594	NGUYỄN ĐÌNH HUY	01/11/2003	CCQ2117Q								
13	2121120459	THÀNH VIỆT HƯNG	03/06/2003	CCQ2112N								
14	2121120312	TRẦN VĂN KHẢI	09/03/2001	CCQ2112I								
15	2121100026	HUỲNH THỊ MỸ LIÊN	25/04/2003	CCQ2110A	208	4.1	5.3	47	66	55		
16	2121270086	NGUYỄN KHẢ LINH	01/01/2003	CCQ2127C	137	6.4	4.8	56	74	63		
17	2121120309	THÂN THUỖ LINH	03/05/2003	CCQ2112I	475	5.3	5.0	52	62	56		
18	2121120037	LÊ THÀNH LONG	14/05/2003	CCQ2112B	361	6.5	8.6	76	87	80		
19	2121170455	PHẠM VĂN MÃN	25/05/2003	CCQ2117M								
20	2121200091	LÊ HỒNG MƠ	21/10/2003	CCQ2120C								

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 03**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **13**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **13**

Phòng thi: **B303** Số tờ giấy thi: **.....**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **13**

Giờ thi: **14:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **A502** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: **002401**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
N. v. Biền	T. Thị Mỹ Linh	Hết. Nhung	P. V. H.	T. Nhung	T. Thị Hương

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121120373	DƯƠNG THỊ KIM	NGÂN	10/08/2003	CCQ2112K	208	ngân	4,0	ngân	6,2	51	74	60	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	2121120340	NGUYỄN THỊ MỸ	NGÂN	04/02/2003	CCQ2112J	137	ngân	7,2	ngân	6,8	70	73	71	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	2121120328	LÊ THỊ KIM	NGỌC	10/09/2003	CCQ2112J	475	Kim	5,0	Kim	5,0	50	66	56	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	2121100110	TRẦN PHẠM THẢO	NGUYỄN	15/04/2003	CCQ2110D									Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	2121120191	HUỲNH THỊ	NHÂN	03/01/2003	CCQ2112F	361	thw	6,8	thw	4,8	58	78	66	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Anh văn 2 (224004) - Nhóm 03

Tổ: 002

- Thi Viết:

Ngày thi: 11/01/2023 Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 12:30 Số bài thi: 2

Phòng thi: B201 Số tờ giấy thi: 2

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 11/01/2023 Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 14:45 Số bài thi: 2

Phòng thi: A502 Số tờ giấy thi: 2

Mã nhận dạng: 002402

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>Smr</i>	<i>Vương</i>	<i>Ngô</i>	<i>Phan</i>	<i>Phan</i>	<i>Phan</i>
<i>lưu n. sm</i>	<i>Hoàng Thị Ngọc</i>	<i>u. n. ng</i>	<i>p. v. n.</i>	<i>h. n. ng</i>	<i>T. n. h.</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121170436	TRẦN ĐẶNG LONG NHÂN	02/10/2003	CCQ2117M	137	<i>ng</i> 4,9	<i>ng</i> 5,7	53	58	55	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121270003	NGUYỄN THỊ HUYỀN NHI	31/01/2003	CCQ2127A	475	<i>nh</i> 5,4	<i>nh</i> 8,1	68	77	72	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121120505	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	12/10/2003	CCQ2112O	361	<i>nh</i> 4,2	<i>nh</i> 5,4	48	64	54	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121120048	VÕ THỊ MỸ NHI	11/11/2003	CCQ2112B	208	<i>nh</i> 4,8	<i>nh</i> 8,6	67	86	75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121190082	PHAN THỊ BÍCH PHƯƠNG	29/12/2000	CCQ2119C	137	<i>br</i> 2,3	<i>br</i> 5,0	37	80	54	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121120083	NGUYỄN MẠNH QUÂN	24/12/2003	CCQ2112C	475	<i>qu</i> 7,1	<i>qu</i> 6,4	68	77	72	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121120080	TRẦN THỊ KIM QUYÊN	16/11/2003	CCQ2112C	361	<i>qu</i> 6,3	<i>qu</i> 3,8	51	50	51	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121170435	LƯU MẠNH QUỲNH	19/09/2003	CCQ2117M	145	<i>qu</i> 6,2	<i>qu</i> 8,5	74	98	84	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121120096	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	26/11/2003	CCQ2112C	137	<i>qu</i> 5,6	<i>qu</i> 4,5	51	85	65	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121120087	ĐỖ THU SANG	21/01/2003	CCQ2112C	208	<i>sang</i> 3,6	<i>sang</i> 5,4	45	90	63	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121150042	ĐỖ THÀNH THI	17/07/2002	CCQ2115B	361	<i>th</i> 5,3	<i>th</i> 6,4	59	66	62	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2118170768	PHẠM LÊ THANH THIÊN	10/01/2000	CCQ1817F	475	<i>th</i> 4,4	<i>th</i> 6,4	54	62	57	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121120106	NGUYỄN MỸ THOA	04/12/2003	CCQ2112D	137	<i>thoa</i> 4,2	<i>thoa</i> 4,2	42	50	45	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121170450	NGUYỄN VĂN THUẬN	24/10/2001	CCQ2117M							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121100107	LÊ THỊ NGỌC TRÂM	17/02/2003	CCQ2112R	361	<i>ng</i> 4,8	<i>ng</i> 6,2	55	67	60	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121120065	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	29/06/2003	CCQ2112B	137	<i>truc</i> 5,9	<i>truc</i> 7,2	66	75	70	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121110291	PHAN ĐỖ ANH TÚ	12/08/2003	CCQ2111I	475	<i>tu</i> 7,8	<i>tu</i> 6,3	71	73	72	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121170424	DƯƠNG THANH TUẤN	24/12/2003	CCQ2117M	208	<i>tu</i> 5,0	<i>tu</i> 7,5	63	63	63	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121260007	TRẦN THỊ YẾN VI	11/03/2003	CCQ2126A	308	<i>vi</i> 7,8	<i>vi</i> 8,2	80	83	81	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121120307	ĐỖ LÊ HÙNG VĨ	15/04/2003	CCQ2112I	137	<i>vi</i> 5,4	<i>vi</i> 6,9	62	57	60	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 03**

Tổ: **002**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **22**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **22**

Phòng thi: **B201** Số tờ giấy thi: **22**

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **.....**

Giờ thi: **14:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **A502** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: **002402**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Vấn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Vấn đáp
<i>Smm</i> <i>Nguyễn M. Sơn</i>	<i>V. Loan</i> <i>Hoàng Thị Ngọc</i>	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121170437	TRẦN VĂN VUI	23/05/2003	CCQ2117M	475	<i>Vui</i>	4.8	<i>Vui</i>	5.9	54	64	58	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2121170422	LÊ NGỌC VƯƠNG	15/06/2003	CCQ2117M									☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121120471	BÙI THỊ NGỌC VY	19/04/2003	CCQ2112N	208	<i>Vy</i>	6.1	<i>Vy</i>	7.1	66	75	70	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121120251	NGUYỄN SONG HOÀI VỸ	01/11/2003	CCQ2112H									☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121120266	TRẦN THỊ NHƯ Ý	18/11/2003	CCQ2112H	561	<i>Như Ý</i>	7.1	<i>Như Ý</i>	7.7	74	69	72	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 04**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **19**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **19**

Phòng thi: **B202** Số tờ giấy thi: **19**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **.....**

Giờ thi: **14:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **A503** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: **002403**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>TK</i> <i>CTU</i>	<i>Hoàng Thiên</i>	<i>Phạm Văn Minh</i> <i>Đỗ Thị Bích Ngọc</i>	<i>Phạm Văn Minh</i> <i>Đỗ Thị Bích Ngọc</i>	<i>P. V. Đức</i>	<i>Phạm T. Thảo</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121170267	ĐỖ NGỌC TUẤN	04/10/2003	CCQ2117H	361	<i>TK</i> 38	<i>TK</i> 0	19	55	33	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121120532	HUỖNH THỊ LAN	12/02/2003	CCQ2112P	137	<i>lan</i> 50	<i>lan</i> 34	42	85	59	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121200138	TRẦN HIẾU	02/01/2003	CCQ2120D	475	<i>AJ</i> 69	<i>AJ</i> 75	72	85	77	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121120545	VƯƠNG THỊ NGỌC	27/01/2003	CCQ2112P	137	<i>W</i> 65	<i>W</i> 32	49	87	64	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121170339	NGUYỄN MINH	15/09/2003	CCQ2117J	475	<i>Minh</i> 52	<i>Minh</i> 66	59	59	59	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121150061	NGUYỄN HOÀNG	24/03/2001	CCQ2115B							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121170576	TRIỀU TIẾN	08/01/2003	CCQ2117Q	475	<i>Đat</i> 51	<i>Đat</i> 64	58	74	64	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121120118	DƯƠNG THỊ	30/10/2003	CCQ2112D	475	<i>Thi</i> 77	<i>Thi</i> 56	67	75	70	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121120467	NGUYỄN THÀNH	23/01/2001	CCQ2112N							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121150035	NGUYỄN QUỐC	28/02/2003	CCQ2115A	361	<i>Quoc</i> 68	<i>Quoc</i> 61	65	79	71	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121170248	LÊ QUỐC	20/03/2003	CCQ2117H	209	<i>Quoc</i> 58	<i>Quoc</i> 17	38	94	60	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121170332	CHÂU NGUYỄN QUỐC	01/01/2003	CCQ2117J	361	<i>Khánh</i> 60	<i>Khánh</i> 73	67	62	65	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2120050114	HỒ DUY	29/06/2002	CCQ2006B							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121150036	PHẠM ĐĂNG	22/07/2003	CCQ2115B	361	<i>Khien</i> 48	<i>Khien</i> 59	54	82	65	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121120052	NGUYỄN THÁI AN	17/09/2002	CCQ2112B	361	<i>Kiet</i> 65	<i>Kiet</i> 54	60	78	67	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121170324	TRẦN NGỌC	26/01/2003	CCQ2117J							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121190026	NGÔ THỦY	29/03/2003	CCQ2119LA	361	<i>Thuy</i> 32	<i>Thuy</i> 70	51	54	52	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121120525	NGUYỄN THỊ THU	16/08/2003	CCQ2112O	209	<i>Thu</i> 80	<i>Thu</i> 73	77	10	86	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121150019	TRƯƠNG ĐÌNH	09/07/2003	CCQ2115A	137	<i>Linh</i> 55	<i>Linh</i> 15	35	64	47	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121120038	LÊ THỊ BẠCH	14/05/2003	CCQ2112B							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 04**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **19**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **19**

Phòng thi: **B202** Số tờ giấy thi: **19**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **.....**

Giờ thi: **14:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **A503** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: **002403**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>TK</i> <i>ETT</i>	<i>Hoàng Thiên</i>	<i>Phạm Văn Hạnh</i> <i>Đỗ Thị Bích Ngọc</i>	<i>Đỗ Thị Bích Ngọc</i>	<i>P. V. M.</i>	<i>Trần T. Thuận</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		V.đáp (50%)		Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên										Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân												
							Chữ ký	Điểm	Chữ ký	Điểm																										
21	2121120040	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	16/03/2003	CCQ2112B	137	<i>[Signature]</i>	69	<i>[Signature]</i>	71	70	78	73		Y	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
22	2121170581	PHẠM ĐÌNH	NGỌC	10/04/2003	CCQ2117Q	475	<i>[Signature]</i>	43	<i>[Signature]</i>	61	52	96	70		Y	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
23	2121120495	TRƯƠNG THỊ HỒNG	NHÂN	09/06/2003	CCQ2112O										Y	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
24	2121150006	NGUYỄN VĂN TUẤN	NHẬT	12/08/2003	CCQ2115A										Y	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
25	2121120522	PHẠM THỊ THUỶ	NHI	22/03/2003	CCQ2112O	361	<i>[Signature]</i>	77	<i>[Signature]</i>	60	69	91	78		Y	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
26	2121170245	NGUYỄN DUY	NIÊN	05/08/2003	CCQ2117G	208	<i>[Signature]</i>	38	<i>[Signature]</i>	61	50	62	55		Y	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 04**

Tổ: **002**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **22**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **22**

Phòng thi: **B203** Số tờ giấy thi: **22**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **.....**

Giờ thi: **14:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **A503** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: **002404**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121170586	NGUYỄN HOÀNG NHẬT QUANG	06/03/2003	CCQ2117Q	208	Quang 39	Quang 53	46	87	62	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121110348	TRINH CÔNG SƠN	11/12/2001	CCQ2111J	137	Son 83	Son 57	70	64	68	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121200116	HÀ THỊ HUYỀN	03/02/2003	CCQ2120D							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121150047	ĐÀO DUY THÁI	24/11/2003	CCQ2115B	361	Thai 50	Thai 77	64	74	68	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121170571	TRẦN VĂN THIẾT	22/01/2003	CCQ2117Q	908	Thiet 28	Thiet 30	29	81	50	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121120084	NGUYỄN THỊ MỸ THOA	16/06/2003	CCQ2112C	137	Thoa 62	Thoa 70	66	82	72	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121200084	NGUYỄN ĐĂNG THANH THÚY	25/12/2003	CCQ2120C	475	Thuy 59	Thuy 96	78	91	83	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121120508	PHAN THỊ CẨM TIỀN	20/11/2003	CCQ21120	361	Tien 50	Tien 74	62	86	72	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121120102	TRƯƠNG ĐÌNH GIA TIẾN	16/02/2003	CCQ2112C	108	Tien 56	Tien 29	43	70	54	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121150041	NGUYỄN HỮU TỒN	14/12/2003	CCQ2115B	132	Ton 66	Ton 20	43	75	56	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121120049	TRẦN THỊ TÚ TRINH	03/06/2003	CCQ2112B	475	Trinh 50	Trinh 34	42	75	55	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121170270	ĐÀO BÁ TRỊNH	19/06/2003	CCQ2117H	361	Trinh 57	Trinh 47	52	71	60	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121170665	NÔNG VĂN TRƯỜNG	13/09/2002	CCQ2117I	208	Truong 45	Truong 39	42	70	53	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121110327	PHAN NGUYỄN NHỰT TRƯỜNG	25/11/2003	CCQ2111J	137	Truong 69	Truong 74	72	84	77	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121120496	TẠ THỊ THANH TUYỀN	30/12/2003	CCQ21120	475	Tuyen 56	Tuyen 74	65	86	73	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121120136	TRẦN THỊ KIM TUYẾT	07/01/2002	CCQ2112D	361	Tuyet 62	Tuyet 94	78	84	80	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121120499	LÊ BĂNG TY TY	07/10/2003	CCQ21120	208	Ty 72	Ty 45	59	85	69	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121120642	ĐÀU THỊ THANH VÂN	02/03/2003	CCQ2112F	137	Van 89	Van 75	82	93	86	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120270172	LÊ THỊ TÚ VÂN	04/05/2002	CCQ2027E							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121120506	NGUYỄN THỊ MỸ VÂN	22/09/2003	CCQ21120	361	Van 75	Van 75	75	92	82	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 04**

Tổ: **002**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **22**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **22**

Phòng thi: **B203** Số tờ giấy thi: **22**

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt:

Giờ thi: **14:45** Số bài thi:

Phòng thi: **A503** Số tờ giấy thi:

Mã nhận dạng: **002404**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Vấn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Vấn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121170383	PHẠM QUANG	VIỆT	05/12/2003	CCQ2117K	208	74	74	74	76	73	7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2121150015	TRẦN XUÂN	VŨ	27/08/2003	CCQ2115A	177	43	55	49	76	60		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2121170368	VŨ QUỐC	VƯƠNG	06/11/2003	CCQ2117K	475	45	28	37	67	49		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2121120092	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	27/10/2003	CCQ2112C	361	42	50	46	63	53		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2121200076	TÔ ĐÀO NHƯ	YẾN	01/07/2003	CCQ2120C						0		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 05**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **23**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **23**

Phòng thi: **B204** Số tờ giấy thi: **23**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **23**

Giờ thi: **14:45** Số bài thi: **23**

Phòng thi: **A505** Số tờ giấy thi: **23**

Mã nhận dạng: **002405**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121120432	HỒ SỸ CHUNG	15/11/2002	CCQ2112M	137	<i>[Signature]</i> 50	<i>[Signature]</i> 50	50	45	48	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
2	2121110305	CHÂU THIÊN CƯỜNG	07/01/2003	CCQ2111I	475	<i>[Signature]</i> 75	<i>[Signature]</i> 58	67	62	65	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
3	2120170321	PHAN THÀNH NHẬT CƯỜNG	14/01/2002	CCQ2017J	361	<i>[Signature]</i> 40	<i>[Signature]</i> 50	45	60	51	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
4	2121170595	TRẦN QUỐC DÂN	31/03/2003	CCQ2117Q	208	<i>[Signature]</i> 56	<i>[Signature]</i> 30	43	67	53	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
5	2121120455	NGUYỄN NGỌC DIỄM	23/03/2003	CCQ2112M	137	<i>[Signature]</i> 58	<i>[Signature]</i> 70	64	69	66	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
6	2121200003	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	11/12/2003	CCQ2120A	475	<i>[Signature]</i> 60	<i>[Signature]</i> 65	63	90	74	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
7	2121260006	PHAN CHẤN DUY	20/04/2002	CCQ2126A	361	<i>[Signature]</i> 69	<i>[Signature]</i> 50	60	63	61	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
8	2121120605	ĐỖ THỊ MỸ DUYÊN	02/01/2003	CCQ2112R	208	<i>[Signature]</i> 56	<i>[Signature]</i> 51	54	80	64	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
9	2121110313	NGUYỄN ANH DƯƠNG	09/06/2003	CCQ2111I	137	<i>[Signature]</i> 55	<i>[Signature]</i> 34	45	84	61	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
10	2121120353	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	27/05/2003	CCQ2120F	475	<i>[Signature]</i> 61	<i>[Signature]</i> 48	52	66	58	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
11	2121200039	NGUYỄN THỊ THẢO HIỀN	05/08/2003	CCQ2120B	361	<i>[Signature]</i> 49	<i>[Signature]</i> 60	55	96	71	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
12	2120110219	NGUYỄN VĂN HIẾU	29/03/2002	CCQ2011G	475	<i>[Signature]</i> 41	<i>[Signature]</i> 19	30	60	42	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
13	2121110296	PHAN ĐÌNH HIẾU	30/09/2003	CCQ2111I	137	<i>[Signature]</i> 68	<i>[Signature]</i> 60	64	78	70	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
14	2121200050	HUỖNH THỊ HOA	07/07/2003	CCQ2120B	208	<i>[Signature]</i> 69	<i>[Signature]</i> 46	58	80	67	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
15	2121210102	LƯƠNG TRẦN TIẾN HUY	06/11/2002	CCQ2121C							<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
16	2121120214	TRƯƠNG MINH KHOA	15/08/2003	CCQ2112G	208	<i>[Signature]</i> 44	<i>[Signature]</i> 54	49	84	43	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
17	2121270089	TRẦN THỊ THU LAN	07/01/2003	CCQ2127C	137	<i>[Signature]</i> 42	<i>[Signature]</i> 42	42	73	54	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
18	2121200008	BÙI THỊ MỸ LINH	17/09/2003	CCQ2120A	475	<i>[Signature]</i> 47	<i>[Signature]</i> 44	46	63	53	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
19	2121120410	ĐẶNG HỮU LINH	01/09/2003	CCQ2112L	361	<i>[Signature]</i> 45	<i>[Signature]</i> 35	40	73	53	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
20	2121120137	LÊ THỊ MỸ LINH	03/09/2003	CCQ2112D	208	<i>[Signature]</i> 57	<i>[Signature]</i> 57	57	67	61	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 05**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **23**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **23**

Phòng thi: **B204** Số tờ giấy thi: **23**

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **23**

Giờ thi: **14:45** Số bài thi: **23**

Phòng thi: **A505** Số tờ giấy thi: **23**

Mã nhận dạng: **002405**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Vấn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Vấn đáp
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi Đ.60%	Đ.QT Đ.40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121270076	NGUYỄN THỊ LINH	19/08/2003	CCQ2127C	137	<i>[Signature]</i>	13	<i>[Signature]</i>	58	61	77	67	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2121120315	TRIỆU THỊ KIM	03/01/2003	CCQ2112I	361	<i>[Signature]</i>	39	<i>[Signature]</i>	36	38	59	46	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121270112	DƯƠNG THỊ TUYẾT	10/01/2003	CCQ2127D	475	<i>[Signature]</i>	49	<i>[Signature]</i>	33	41	75	55	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121120645	TRƯƠNG THỊ HỒNG	03/10/2003	CCQ2112I							0		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121120449	PHẠM ĐÌNH NGUYỄN	13/01/2003	CCQ2112M	208	<i>[Signature]</i>	42	<i>[Signature]</i>	56	49	65	55	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 05**

Tổ: **002**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **18**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **18**

Phòng thi: **B205** Số tờ giấy thi: **18**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **18**

Giờ thi: **14:45** Số bài thi: **18**

Phòng thi: **A505** Số tờ giấy thi: **18**

Mã nhận dạng: **002406**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121210115	VÕ THỊ NHƯ NGUYỆT	16/09/2003	CCQ2121C										
2	2121120139	PHÙNG THỊ THANH NHANG	30/10/2003	CCQ2112D	361	Nhang	57	Nhang	34	43	65	52		
3	2119220008	HÀ VĂN NHIÊN	29/12/2001	CCQ1922A	208	Nhien	67	Nhien	26	47	74	58		
4	2121120398	PHAN THỊ HỒNG NHUNG	05/08/2003	CCQ2112L	187	Nhung	65	Nhung	63	64	97	77		
5	2121180057	NGUYỄN NGÔ NHẬT PHI	24/10/2003	CCQ2118B	975	Phi	54	Phi	38	46	46	46		
6	2121170041	TRƯƠNG HỮU TÀI	02/03/2003	CCQ2117B	361	Tai	48	Tai	46	47	69	56		
7	2121170479	TRẦN THANH THẠCH	18/09/2003	CCQ2117N	208	Thach	66	Thach	43	55	55	55		
8	2121120362	LÊ THỊ THẨM	10/06/2003	CCQ2112K	361	Tham	61	Tham	82	72	76	74		
9	2121050052	LÊ MINH THUẬN	13/02/2003	CCQ2105B	415	Thuan	60	Thuan	58	59	68	63		
10	2121120401	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	08/04/2003	CCQ2112L	137	Thu	39	Thu	50	45	83	60		
11	2121260057	MAI THỊ MỸ TIỀN	27/06/2003	CCQ2126B	208	Tien	29	Tien	26	28	62	42		
12	2121100116	NGUYỄN THỊ THÚY TIỀN	30/01/2003	CCQ2110D	361	Tien	61	Tien	55	58	76	65		
13	2121270075	TRẦN THỊ THÚY TIỀN	11/09/2002	CCQ2127C	475	Tien	49	Tien	57	53	79	63		
14	2121170544	ĐOÀN XUÂN TOÀN	02/11/2001	CCQ2117P										
15	2121110197	PHẠM MINH TRÍ	11/04/2003	CCQ2111F	208	Tri	83	Tri	90	87	88	87		
16	2121260060	NGUYỄN PHẠM HỒNG TRINH	25/07/2003	CCQ2126B										
17	2120110266	LÊ THẾ TỰ	23/10/2001	CCQ2011H										
18	2121110320	NGUYỄN THANH TUYỀN	30/06/2003	CCQ2111J	361	Tuyen	24	Tuyen	35	40	54	46		
19	2121120085	NGUYỄN THỊ TUYỀN	08/09/2003	CCQ2112C	208	Tuyen	42	Tuyen	41	42	73	54		
20	2121110346	MAI HỒNG TƯƠI	15/08/2003	CCQ2111J										

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 05**

Tổ: **002**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **18**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **1.8**

Phòng thi: **B205** Số tờ giấy thi: **1.8**

- Thi Vấn đáp:

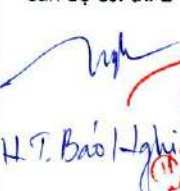
Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **18**

Giờ thi: **14:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **A505** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: **002406**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Vấn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Vấn đáp
					

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121270117	MAI THỊ THU UYÊN	26/01/2003	CCQ2127D	175	uy	41	uy	32	37	78	53	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120190068	HUỖNH HỮU VĂN	25/07/2002	CCQ2019B									0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121110272	THÁI HỮU VINH	14/10/2003	CCQ2111H	132	th	82	th	76	79	94	85	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121110317	NGUYỄN HOÀNG VŨ	26/05/2003	CCQ2111J	208	h	80	h	60	70	92	79	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121100153	NGUYỄN THỊ HẠ VY	29/10/2003	CCQ2110E									0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 06**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **19**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **19**

Phòng thi: **B206** Số tờ giấy thi: **19**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **14/01/2023** Số SV có mặt: **.....**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **D5-28** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: 002407

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119240290	VIÊN THỊ TÚ ANH	28/10/2001	CCQ1927G	361	54	3.1	113	6.6	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121060023	NGUYỄN VĂN CHÁNH	30/03/2003	CCQ2106A					0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121060001	PHẠM CÔNG CHIẾN	28/03/2003	CCQ2106A					0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121060002	HUỖNH QUỐC CÔNG	08/06/2003	CCQ2106A	475	84	7.6	80	8.8	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121060036	HUỖNH TIẾN CƯỜNG	10/06/2003	CCQ2106B	361	90	7.6	83	8.9	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121200198	VÕ THANH DANH	22/11/2003	CCQ2120F	208	52	2.8	65	7.7	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121100303	THÁI THỊ THÙY DUNG	16/04/2003	CCQ2110I	137	55	8.4	70	8.6	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121060034	PHẠM XUÂN DUY	22/03/2003	CCQ2106A	475	64	7.3	69	8.0	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121060003	NGUYỄN TUẤN DAT	16/03/2003	CCQ2106A					0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120120613	TRẦN VĂN ĐỨC	09/12/2002	CCQ2012R	761	55	8.2	69	5.3	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121170438	NGUYỄN XUÂN HẬU	29/10/2003	CCQ2117M	208	47	5.5	51	7.5	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121060035	ĐẶNG THANH HIẾU	17/08/2003	CCQ2106A	475	65	6.1	63	5.8	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121060032	NGUYỄN HOÀNG HUÂN	17/09/2002	CCQ2106A	361	85	5.8	7.2	8.9	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120200246	NGUYỄN HỒNG HUYỀN	09/07/2002	CCQ2020H	208	41	6.2	52	5.0	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2119100457	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	10/01/2001	CCQ1910N					0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121060004	VÕ KHÁNH HƯNG	25/10/2002	CCQ2106A	475	44	5.3	4.9	6.0	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120130098	BÙI HỮU KHA	04/11/2002	CCQ2012N	361	57	6.2	60	6.2	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121060005	BÙI THANH KHOA	22/01/2003	CCQ2106A	208	49	3.1	40	7.4	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121060039	NGUYỄN ĐẶNG KHOA	03/12/2003	CCQ2106B	137	57	6.1	5.9	7.7	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121060018	NGUYỄN MINH KHÔI	19/09/2003	CCQ2106A	475	40	4.8	4.4	6.5	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 06**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **19**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **19**

Phòng thi: **B206** Số tờ giấy thi: **19**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **14/01/2023** Số SV có mặt: **19**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **19**

Phòng thi: **D5-28** Số tờ giấy thi: **19**

Mã nhận dạng: **002407**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>Nguyễn Văn Đạt</i>	<i>Phạm Hồng Đức</i>	<i>Nguyễn Thị Ngọc Hoa</i>	<i>Nguyễn Thị Ngọc Hoa</i>	<i>Nguyễn Thị Ngọc Hoa</i>	<i>Nguyễn Thị Ngọc Hoa</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120200221	LÊ MINH LÂM	11/11/2002	CCQ2020G	361	<i>60</i>	<i>60</i>	6.2	6.1	5.7	59	
22	2120030050	NGUYỄN TẤN LỘC	23/01/2002	CCQ2003B	208	<i>5.1</i>	<i>5.1</i>	5.3	5.3	5.7	55	
23	2119030049	VÕ MINH LUÂN	17/03/2001	CCQ1903B						0		
24	2121060030	NGUYỄN MINH MỸ	06/02/2003	CCQ2106A						0		
25	2121100283	LÊ THỊ NGÀ	20/08/2003	CCQ2110I	208	<i>5.4</i>	<i>5.4</i>	7.6	6.5	8.5	73	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Anh văn 2 (224004) - Nhóm 06

Tổ: 002

- Thi Viết:

Ngày thi: 11/01/2023 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 12:30 Số bài thi: 19

Phòng thi: B101 Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 14/01/2023 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 12:30 Số bài thi: 19

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 19

Mã nhận dạng: 002408

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi Đ.60%	Đ.QT Đ.40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121120407	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	08/07/2003	CCQ2112L	137	Ngân	54	Ngân	60	6.1	61	
2	2121100305	LÊ GIA	15/01/2003	CCQ2110I	475	Gia	71	Gia	70	7.1	78	
3	2120120467	NGUYỄN THỊ VINH	25/06/1960	CCQ2012N								
4	2121120511	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	12/12/2003	CCQ2112O	208	Nguyệt	94	Nguyệt	81	8.8	9.2	90
5	2121060009	NGUYỄN VĂN NHẬT	08/10/2003	CCQ2106A								
6	2121200203	NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG	30/01/2003	CCQ2120F	415	Phuong	88	Phuong	72	8.0	9.3	85
7	2121060038	DƯƠNG PHÚ QUÝ	06/06/2003	CCQ2106B	361	Quay	85	Quay	78	8.2	8.1	81
8	2121060011	HÀ NGỌC SÁNG	22/03/2003	CCQ2106A	208	Sang	49	Sang	52	5.1	5.0	51
9	2121060042	TÔ VĂN SON	01/02/2003	CCQ2106B	137	Son	39	Son	61	5.0	5.4	52
10	2121180100	NGUYỄN HỮU TÀI	29/01/2002	CCQ2118C								
11	2121060025	PHẠM ĐỖ QUỐC TÂN	31/10/2003	CCQ2106A	361	Tan	44	Tan	62	5.3	5.1	52
12	2121060040	PHẠM THÀNH THẠCH	10/12/2003	CCQ2106B								
13	2121060046	ĐOÀN VĂN THANH	15/11/2003	CCQ2106B	208	Thanh	65	Thanh	67	6.6	7.0	68
14	2120170747	HUỖNH CÔNG THÀNH	05/06/2002	CCQ2017R	208	Thanh	73	Thanh	79	5.5	6.9	
15	2121100310	TẠ CHÂU THẢO	19/12/2003	CCQ2110I	137	Thao	87	Thao	77	8.5	8.0	
16	2120170735	CAO NHƯ THỊNH	25/03/2002	CCQ2017O	475	Thinh	61	Thinh	73	4.5	5.8	
17	2121060029	NGUYỄN QUANG TIẾN	09/12/2003	CCQ2106A	208	Tien	54	Tien	70	6.2	6.3	62
18	2121060013	PHAN QUỐC TOÀN	06/02/2002	CCQ2106A	361	Toan	42	Toan	46	4.4	6.2	51
19	2121100192	NGUYỄN THỊ THU TRANG	20/06/2003	CCQ2110F	137	Trang	72	Trang	72	8.2	7.6	
20	2120120173	PHẠM GIA TRƯỜNG	23/09/2001	CCQ2012E	475	Truong	73	Truong	72	7.3	7.8	75

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 06**

Tổ: **002**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2022** Số SV có mặt: **19**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **19**

Phòng thi: **B101** Số tờ giấy thi: **19**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **14/01/2022** Số SV có mặt: **.....**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **D5-28** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: **002408**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
					

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Viết (50%) Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	V.đáp (50%) Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121060017	NGUYỄN TẤN VINH	08/01/2003	CCQ2106A							0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2121060037	PHAN TRUNG VINH	23/02/2003	CCQ2106B	361	viết 51	51	viết 63	63	57	6.7	61	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121060033	PHAN LONG VŨ	19/11/2003	CCQ2106A	208	Vũ 61	61	Vũ 75	75	68	6.0	65	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121060021	HUỲNH NGỌC XUÂN	15/02/2003	CCQ2106A							0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121120556	ĐẶNG THỊ NHƯ Ý	03/12/2003	CCQ2112P	475	nhu 63	63	nhu 79	79	71	8.8	78	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 09**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **22**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **22**

Phòng thi: **B102** Số tờ giấy thi: **22**

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: **14/01/2023** Số SV có mặt: **20**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **20**

Phòng thi: **D5-29** Số tờ giấy thi: **20**

Mã nhận dạng: **002409**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyen Sinh</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>P.T.M. Thuc</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>Nguyễn Thị Huyền</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>Cao Thinh</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Vấn đáp <i>P.V. Del.</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Vấn đáp <i>Cao Thinh</i>
--	--	--	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120120141	DƯƠNG TRƯỜNG AN	24/08/2001	CCQ2012E	137	68	50	59	78	67	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121270107	QUÁCH HƯNG BẢO	13/09/2003	CCQ2127D	475	67	70	69	52	62	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121200204	TRÀ THỊ MỸ DUYÊN	25/05/2003	CCQ2120F	361	47	78	63	93	75	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121130046	VŨ NGỌC BÍCH HẰNG	10/11/2001	CCQ2113B	208	56	44	50	51	50	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121200117	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	01/08/2003	CCQ2120D	137	74	87	81	97	87	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121180004	TRỊNH VĂN HIỀN	08/05/2003	CCQ2118A	475	43	58	51	74	60	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121200168	PHẠM THỊ KIM HOÀNG	16/10/2003	CCQ2120E	361	94	90	92	10	95	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121110304	BÙI NGỌC HỘI	29/01/2003	CCQ2111I	208	63	70	67	79	72	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121030021	NGÔ QUANG HUY	25/06/2003	CCQ2103A	137	82	40	61	83	70	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121030155	LÊ NGUYỄN NINH HƯNG	29/09/2000	CCQ2103A							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121170517	LÊ THANH VĨNH KHƯƠNG	29/09/2003	CCQ2117O	137	50	77	64	84	72	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121120145	ĐẶNG THỊ THÚY KIỀU	11/01/2003	CCQ2112E	475	48	68	58	87	70	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121120585	HỒNG THỊ KIM LINH	26/07/2003	CCQ2112Q	208	24	90	57	66	61	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121110285	NGUYỄN ANH LONG	31/05/2003	CCQ2111I	137	59	66	63	83	71	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121120264	NGUYỄN VĂN LỢI	02/10/2002	CCQ2112H	475	34	55	45	65	53	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121200143	NGUYỄN ĐĂNG LƯU	17/01/2003	CCQ2120E	361	71	55	63	80	70	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121180008	TRẦN VĂN MẠNH	14/01/2003	CCQ2118A	208	43	58	51	62	55	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121200194	TRẦN THỊ THƯƠNG MẾN	30/07/2003	CCQ2120F	361	66	71	69	80	73	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2119170320	CHÂU THÀNH MINH	14/08/2001	CCQ1917J							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121030086	NGUYỄN ANH NAM	28/02/2003	CCQ2103C							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 09**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023**: Số SV có mặt: 22

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: 22

Phòng thi: **B102** Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **14/01/2023**: Số SV có mặt: 22

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: 22

Phòng thi: **D5-29** Số tờ giấy thi: 22

Mã nhận dạng: **002409**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1 <u>2M1</u> <u>Ng. Tiên Bình</u>	Cán bộ coi thi 2 <u>thao</u> <u>P.T.M. Thi</u>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <u>Nguyễn Thị Nguyệt Hằng</u>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <u>C. T. Hùng</u>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <u>P. U. ad.</u>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <u>Nguyễn Thị Nguyệt Hằng</u>
--	--	--	--	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ. Thi 60%	Đ. QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	
21	2121190080	LÊ MAI	NGÂN	09/12/2003	CCQ2119C	20	74	2	84	79	68	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	2121200107	LƯƠNG THỊ KIM	NGÂN	08/09/2003	CCQ2120D	137	Ngân	85	Ngân	84	85	90	87	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121120474	DANH THỊ TUYẾT	NGỌC	05/05/2003	CCQ2112N	475	Ng	50	Ng	83	44	74	56	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121120347	VƯƠNG THỊ TÚ	NHƯ	02/02/2002	CCQ2112J	361	Ng	62	Ng	83	73	89	79	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121180003	ĐẶNG MINH	NHỰT	22/05/2002	CCQ2118A	137	Minh	36	Minh	27	32	57	42	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 09**

Tổ: **002**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **29**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **29**

Phòng thi: **B103** Số tờ giấy thi: **29**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **14/01/2023** Số SV có mặt: **21**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **21**

Phòng thi: **D5-29** Số tờ giấy thi: **21**

Mã nhận dạng: **002410**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>K</i> <i>Ng Tân' Thich</i>	<i>Ng Thọ</i>	<i>Nguyễn Chí Cường</i>	<i>Nguyễn Chí Cường</i>	<i>P.V.Đ</i>	<i>T. Thuận</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121200067	TRƯƠNG ĐỨC PHÚC	21/05/2003	CCQ2120B	475	<i>Phúc</i> 52	<i>Phúc</i> 84	68	93	78	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2120170232	LÊ THÀNH PHƯỚC	12/10/2002	CCQ2012R							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2120030190	CHÂU TRẦN VINH	06/11/2000	CCQ2003F	361	<i>Giang</i> 44	<i>Quang</i> 71	58	62	60	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121030016	NGUYỄN THÁI QUỲNH	01/11/2003	CCQ2103A							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2119050131	TRẦN NGỌC SINH	15/09/2001	CCQ1905D							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121130036	LÊ THỊ THU THẢO	30/12/2003	CCQ2113B	208	<i>Thu</i> 69	<i>Thu</i> 90	80	91	84	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121200156	PHAN THỊ THANH THẢO	18/09/2003	CCQ2120E	137	<i>Thao</i> 55	<i>Thao</i> 87	71	87	77	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121120199	CAO THỊ BÍCH THUẬN	06/11/2003	CCQ2120C	475	<i>Thu</i> 55	<i>Thu</i> 55	55	69	61	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121200122	LÊ THỊ THANH THÚY	14/02/2003	CCQ2120D	361	<i>Thi</i> 72	<i>Thi</i> 93	83	89	85	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121200172	KIỀU NGUYỄN ANH THƯ	12/11/2003	CCQ2120E	208	<i>Th</i> 83	<i>Th</i> 88	86	94	89	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121200021	NGUYỄN NHƯ THƯƠNG	21/06/2003	CCQ2120A	137	<i>Thương</i> 52	<i>Thương</i> 88	70	94	80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121160007	VĂN THỊ MINH THY	13/04/2003	CCQ2116A	475	<i>Thy</i> 86	<i>Thy</i> 68	77	86	81	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121120243	LƯƠNG VĂN TÓI	28/04/2003	CCQ2112G	137	<i>Sôi</i> 38	<i>Sôi</i> 49	44	36	41	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121130038	NGÔ THỊ THÙY TRANG	03/05/2003	CCQ2113B	208	<i>Trang</i> 62	<i>Trang</i> 86	74	92	81	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121120232	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	26/02/2003	CCQ2112G	361	<i>Trâm</i> 53	<i>Trâm</i> 80	67	67	67	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2120120032	NGUYỄN NGỌC DIỄM TRÂN	03/01/2001	CCQ2012A	475	<i>Trân</i> 64	<i>Trân</i> 88	76	78	77	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121200142	KIỀU NGỌC TRÚC	11/04/2003	CCQ2120E	137	<i>Trúc</i> 71	<i>Trúc</i> 90	81	87	83	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121120041	TRẦN THỊ THANH TRÚC	12/10/2003	CCQ2112B	208	<i>Trúc</i> 71	<i>Trúc</i> 65	68	60	65	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121170045	ĐOÀN NHẬT TRƯỜNG	10/02/2003	CCQ2117B	361	<i>Trường</i> 64	<i>Trường</i> 60	62	56	60	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121180001	ĐỖ ĐAN TRƯỜNG	18/08/2003	CCQ2118A	475	<i>Đ</i> 59	<i>Đ</i> 50	55	77	64	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 2 (224004) - Nhóm 09**

Tổ: **002**

- Thi Viết:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt:

Giờ thi: **12:30** Số bài thi:

Phòng thi: **B103** Số tờ giấy thi:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **14/01/2023** Số SV có mặt: **21**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi:

Phòng thi: **D5-29** Số tờ giấy thi:

Mã nhận dạng: **002410**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121180007	ĐẶNG BẢO TUẤN	26/01/2003	CCQ2118A	361	Quân	43	Quân	62	53	63	57	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121200123	TRẦN THỊ BÍCH VÂN	23/01/2003	CCQ2120D	208	Vân	72	Vân	93	83	87	85	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121110328	NGUYỄN VĂN VINH	16/03/2003	CCQ2111J	137	Vinh	54	Vinh	39	47	84	64	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121120260	NGUYỄN PHƯƠNG YÊN	31/07/2003	CCQ2112H	475	Yên	76	Yên	63	70	78	73	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121100044	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	12/10/2003	CCQ2110B	361	Yến	69	Yến	57	63	83	71	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9